

NGÔN NGỮ

TẠP CHÍ CỦA
HỘI NGÔN NGỮ HỌC VIỆT NAM
SỐ 8 (250) 2016

ISSN 0868 - 3409

& đời sống

- Xây dựng hình tượng nhân vật trong truyện ngắn qua việc dùng từ địa phương
- Cơ chế hình thành và giải mã diễn cố trong văn học trung đại
- Ngôn ngữ nghệ thuật của tiểu thuyết *Những ngả tư và những cột đèn*
- Ngôn từ trong tùy bút
- Loại hình nhịp và nhịp thơ trong tiếng Việt
- Viết hoa tên cơ quan, tổ chức trong tiếng Việt
- Dạy từ mới cho học sinh tiểu học trong đọc hiểu văn bản
- Thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long
- Vai trò của ngôn ngữ trong tiếp nhận văn học
- Ngôn ngữ trong tuyển tập *Chạy...* của Hữu Thọ
- Phê bình văn học từ góc độ ngôn từ
- Sự ám ảnh của cú pháp trong truyện ngắn yêu nước 1965-1975
- Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết *Người chằm*
- Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong *Bát sáu rừng U Minh Hạ*
- Cấu trúc tu từ của phần dẫn nhập bài báo nghiên cứu tiếng Anh
- Phát triển tư duy phê phán trong viết luận:
tác động của diễn đàn trên facebook

50 NĂM KHOA SƯ PHẠM
1966 - 2016 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

TÌM HIỂU NGÔN NGỮ TRONG TUYỂN TẬP TIỂU PHẨM BÁO CHÍ *CHẠY...* CỦA HỮU THỌ

INVESTIGATING ON SOME LANGUAGE ASPECTS
IN *CHAY...* PRESS SKIT COLLECTION BY HUU THO

NGUYỄN THỊ KIỀU OANH
(ThS; Trường Đại học Cần Thơ)

1. Dẫn nhập

Hữu Thọ vừa là một nhà báo vừa là một chính trị gia nổi tiếng của Việt Nam. Ông được biết đến không chỉ qua những vị trí quan trọng mà ông đã từng đảm nhiệm trên cả hai lĩnh vực: Trợ lý Tổng Bí thư; Trưởng ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương; Chủ nhiệm Khoa Báo chí, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập báo Nhân dân,...Hơn hết, ông được đọc giả mến mộ bởi sự nghiệp cầm bút chuyên nghiệp với những bài viết và các tác phẩm có giá trị ở lĩnh vực báo chí. Trong đó, Hữu Thọ tập trung ở hai thể loại: phóng sự và tiểu phẩm báo chí. Ở thể loại tiểu phẩm, Hữu Thọ đã cho thấy được tư tưởng và quan niệm của ông về nghề báo cũng như tài năng của ông. Đó là một phong cách tiêu biểu của người làm báo. Không phải ngẫu nhiên mà ông được mệnh danh là “*người hay cãi*” và một cây bút “*mắt sáng, lòng trong, bút sắc*”, bởi với tài năng, trí tuệ và bản lĩnh của mình, cả cuộc đời của ông đã gắn bó và chiến đấu vì lẽ phải, vì một xã hội “*dân chủ, công bằng, văn minh*”. Tuyển tập tiểu phẩm *Chạy...* là minh chứng cho những điều đó. Tác phẩm được đông đảo đọc giả và công chúng đón nhận nồng nhiệt bởi sức nặng của nó thể hiện qua tính thời sự, tính chiến đấu, thể hiện chính kiến của tác giả với tinh thần phân biện và đối thoại khách quan, nhạy bén, sắc sảo và thâm thúy. Điều đó được đúc kết từ hiệu quả của việc vận dụng và sáng tạo các phương diện ngôn ngữ: cách đặt tit phong phú và đa dạng, sử dụng thường xuyên kiểu câu định nghĩa, giải thích nghĩa, cách thức sử dụng số liệu, biện pháp dẫn ngữ (thành ngữ, tục ngữ, những câu nói của người nổi tiếng,...), sử dụng một số thủ pháp nghệ

thuật như chơi chữ, so sánh, thay đổi trật tự từ, ẩn dụ...

2. Những phương diện ngôn ngữ đặc sắc trong tiểu phẩm *Chạy...*

2.1. Cách đặt tit phong phú và đa dạng tạo sức hút ngay từ đầu

Tit (title) của một bài báo nói chung và tiểu phẩm báo chí nói riêng có nhiều chức năng khác nhau (bắt mắt, khả năng phân loại thông tin, nêu lên được chủ đề của bài viết, tạo sức hấp dẫn...), trong đó có hai chức năng quan trọng nhất: khái quát được nội dung chính của bài viết và tạo sức hấp dẫn. Để làm được điều đó, mỗi nhà báo cần phải có sự sáng tạo để tạo nên sức hút và bản sắc riêng cho bài báo của mình. Nhận thức được điều đó, với kinh nghiệm hơn năm mươi năm cầm bút, Hữu Thọ đã tạo nên “phong cách tit” độc đáo. Trong *Chạy...* với 127 tiểu phẩm, Hữu Thọ đã sử dụng linh hoạt nhiều phương thức khác nhau để tạo nên nét riêng cho tit tiểu phẩm của mình.

2.1.1. Tit có cấu tạo một từ

Đây không phải là kiểu cấu trúc phổ biến của tiểu phẩm báo chí bởi đây là cách đặt tit khó. Không chỉ khó về cách lựa chọn từ ngữ có độ nén thông tin mà còn khó ở việc tạo sức hút đối với độc giả. Đối với tiểu phẩm của Hữu Thọ, kiểu tit này đạt được một số hiệu quả đáng kể.

Trước hết, Hữu Thọ sử dụng những từ ngữ mang tính đa nghĩa. Lốp từ ngữ này một mặt tạo sức hấp dẫn bởi nó kích thích suy nghĩ, sự hiếu kỳ, mặt khác tạo sự bất ngờ đối với độc giả bởi tính đa nghĩa và sự chuyển nghĩa trong ngữ cảnh mà tác giả đề cập đến. Chẳng hạn như, trong tiểu phẩm *Bầu*, với tit như thế gọi cho người đọc nhiều cách hiểu khác nhau về

nội dung chính của bài viết, có thể là chuyện mang bầu của phụ nữ, hay chuyện bầu cử, hoặc muốn nói đến cái gì đó có hình bầu (trong tương quan với tròn), thậm chí nói về một giống bầu thực vật,... Nhưng khi đi sâu vào bài viết thì đó là chuyện bầu cử. Nhưng không đơn giản chỉ là chuyện đi bầu, có bầu hay không bầu mà đó là một khâu tất của chuyện bầu bán. Bầu cử là cơ hội để mọi người chọn ra ứng cử viên mà mình tin tưởng, gửi gắm hy vọng và mong ước có thể thay đổi cuộc sống theo chiều hướng tốt hơn, thế nhưng, việc bầu cử lại được sắp xếp mặc định những người trúng cử thì hóa ra chuyện bầu cử chỉ là hình thức. Thế nên mới có chuyện người dân mĩa mai bằng cách gọi là “bầu dài” hay “bầu tròn”. Người ta thích “bầu dài” vì danh sách dài hơn, nhiều hơn số được bầu chứ không phải là danh sách vừa bằng với số người được bầu.

Hay như trong tiểu phẩm *Chạy*, “chạy” ở đây có hai lần chuyển thể. Thứ nhất là chuyển từ loại, “chạy” không phải ở dạng động từ chỉ hoạt động của bộ phận cơ thể người mà nó được chuyển thành danh từ định danh một kiểu ứng xử, thái độ trong xã hội. Thứ hai là chuyển nghĩa, “chạy” ở đây được chuyển nghĩa từ chỉ một hành động cụ thể bên ngoài mang ý nghĩa trung tính sang hành động ẩn bên trong hình thức giao tiếp mang ý nghĩa phê phán. Đó là việc “chạy chọt”, “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy dự án”, “chạy tội” bằng các hình thức “chạy phong bì”, “chạy bằng đầu trên cổ và đầu gối”.

Thứ hai, Hữu Thọ sử dụng từ biểu thị trạng thái cảm xúc. Tuy nhiên, cảm xúc đó không phải dành cho đối tượng gây ra cảm xúc ấy mà hướng đến một đối tượng khác, thường là “dân”. Từ đó, thể hiện sự đối lập với vấn đề được đề cập. Điều đó thể hiện qua các tiểu phẩm *Lo, Sợ, Nể...* Không phải “lo” cho các loại “bệnh” của cán bộ, công chức (bệnh tham nhũng, bệnh hống hách, quan liêu,...) mà lo cho dân phải chịu những hậu quả của những căn bệnh ấy vì nó động chạm tới tiền, quyền, uy tín của tổ chức và nhân dân; không phải “sợ” cho bản thân phải mang tiếng “ăn theo”

khi tham dự lễ khởi công của các công trình kém chất lượng mà là “sợ” cho cả một đất nước, một dân tộc còn nghèo nàn mà phải chịu các vắn nạn “bòn rút của công”, thi công gian dối, lãng phí vào chuyện “biểu xén”, “quà cáp”, “tiếp đón”, “chiêu đãi”; không phải “nể” vì uy tín của cấp trên khiến cấp dưới khâm phục mà vì phải “trả ơn” cho những người mình đã “chịu ơn”, là “đòi nợ” từ “con nợ”, là “lấy lãi” từ việc “cho vay”.

Với kiểu “tít đơn” như vậy rõ ràng là một sự thử thách đối với người viết, nhưng nếu “vững tay” thì có thể thành công vượt trội so với những kiểu tít khác. Hiệu quả của việc sử dụng kiểu tít này là tạo sự cô đọng, súc tích và kích thích sự tìm hiểu của người đọc.

2.1.2. Tít có cấu trúc bỏ lửng

Kiểu cấu trúc bỏ lửng thường được sử dụng với hai tác dụng: thứ nhất, bỏ ngỏ vấn đề để kích thích sự chú ý và quan tâm của người đọc, thứ hai, không muốn nói ra vấn đề một cách trực tiếp vì một lí do nào đó. Dạng này được Hữu Thọ sử dụng không nhiều nhưng mỗi tít đều có giá trị rất “đắc”. Trong tiểu phẩm *Nếu bài báo đó đăng lại...*, tác giả đã sử dụng mệnh đề giả định khuyết “*Nếu... thì...*”. Đây là mệnh đề giả định chỉ nguyên nhân - hệ quả trong mối quan hệ tương thích với nhau (có “nếu” mới có “thì”). Tuy nhiên, “thì” ở đây được biểu hiện ngầm trong toàn bài viết, nó không chỉ là hệ quả của “nếu” trong tít mà còn gợi ra nhiều hệ quả với nhiều chiều hướng: “thì” có ý nghĩa tương thích với “nếu” trong tít, nếu bài báo đó đăng lại thì vấn đề sẽ được nhắc lại một lần nữa, như thế chẳng khác nào là hành động “nhai lại”; hoặc vấn đề ấy vẫn còn tồn tại nhưng với phạm vi và quy mô phổ biến, thường trực hơn xưa, nếu đăng lại bài báo cũ thì sẽ giống như “giọt nước giữa biển khơi”, đồng thời cũng chưa phản ánh đủ các mặt của vấn đề ấy trong hiện tại.

Tong tiểu phẩm *Chào mừng và chào...*: Việc bỏ lửng làm cho người đọc nghĩ ngay đến một hoạt động khác cùng trường nghĩa với từ “chào mừng” (chẳng hạn như “chào hỏi”), nghĩa là “chào” ở đây là sự đón tiếp nồng nhiệt, phấn khởi. Tuy nhiên, từ “chào” thứ hai

mang ý nghĩa trái ngược với từ “chào” thứ nhất. Nếu “chào” thứ nhất là một cái “gật đầu”, “bắt tay” khai trương những chiếc xe buýt mới toanh thì “chào” thứ hai là một cái “vẫy tay” kèm “lắc đầu” vì chất lượng kém của những chiếc xe ấy, một lần sử dụng rồi thôi. Nguyên nhân do hai căn bệnh: “bệnh thành tích chào mừng” và “bệnh chào tiên”. Đó là một vấn nạn nhứt nhối của xã hội khi mà con người quan niệm tiên là trên hết, tính mạng con người là thứ yếu.

Như vậy, với cách đặt tí tởm bỏ lửng, Hữu Thọ thường bộc lộ thái độ của mình trước những vấn đề được đề cập, có thể là nổi xót xa, chán ngán hay là sự phê phán ngầm. Do đó, kiểu tí tởm này phần nào giúp người đọc nhận diện được quan điểm và “gương mặt” của tác giả.

2.1.3. Tít dạng câu hỏi

Tít dạng câu hỏi thường thể hiện tính chất vấn, hỏi đáp nhằm kích thích sự đối thoại trong tư duy độc của độc giả. Theo đó, người đọc sẽ tự định hình câu trả lời và đối chiếu kết quả với nội dung của tiểu phẩm. Điều đó tạo sự giao tiếp ngầm giữa tác giả và độc giả trên bề mặt câu chữ. Hay nói khác hơn, với kiểu tí tởm này sẽ nâng cao vai trò của độc giả, giúp họ cảm nhận thế chủ động trong quá trình giao tiếp, làm cho sự tác động của bài viết mang tính hai chiều chứ không đơn thuần là một chiều thụ động. Tuy nhiên, điểm đặc biệt của kiểu tí tởm này trong tiểu phẩm của Hữu Thọ là kiểu câu hỏi từ vựng nhưng mang ý nghĩa của câu hỏi tu từ, tức hỏi nhưng không cần trả lời, thậm chí đáp án đã thể hiện ngầm trong câu hỏi, đồng thời, nó thể hiện tính chất chất vấn trong đó. Có thể tạm gọi đó là kiểu câu hỏi tự vấn chứ không phải câu hỏi vấn đáp. Chẳng hạn như trong các tiểu phẩm *Có biết hay không?*, *Đường xấu hay cán bộ xấu?*, *Có có tình hay không?*, *Làng kiêu gì?...?* Đó là một điều vốn đã biết rất rõ nhưng chẳng qua chỉ giả vờ “chưa biết” và “không biết”, thậm chí “không muốn biết” bởi “họ” và “ta” là chung một “bọn”, “có phúc cùng hưởng có họa cùng chia”; đó là không phải đường đi nước bước xấu mà do cán bộ lười nhác nên không “xuống tới dân” để “thân dân”. Cho nên cứ ngồi tí

trên cao mà chỉ đạo xuống nhưng nào có biết thực tế ra làm sao; đó là việc biết luật nhưng vẫn phạm luật khi tham gia giao thông hoặc cố tình “tê bậy” nơi công cộng... Những điều trái khoáy ấy cứ diễn ra nhan nhản trước mắt khiến ta không khỏi suy nghĩ một cách thật thà “Đúng hay không đúng?”.

Với kiểu tí tởm này, Hữu Thọ thường thể hiện sự mỉa mai, châm biếm đối với đối tượng được đề cập. Hỏi khi đó không còn là sự đối thoại mà đó là một điều nhắc nhở.

2.1.4. Tít được cấu tạo theo cách vận dụng từ ngữ ở nhiều lĩnh vực khác nhau tạo nên sự liên tưởng về nghĩa

Mỗi nhà báo thường có kiến thức rộng và sâu ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, việc vận dụng kiến thức và sự hiểu biết ấy như thế nào để tạo nên hiệu quả trong nghề là việc quan trọng mà không phải ai cũng làm được. Vận dụng làm sao để không bị cho là “phô trương” hoặc “lạm dụng” kiến thức, đồng thời phải biết vận dụng hợp tình, hợp lí, hợp cảnh nếu không sẽ làm cho bài viết “chệch chuẩn” cũng như chứng tỏ người viết chưa hiểu đúng và trúng vấn đề. Đối với Hữu Thọ, ông vận dụng khá nhiều kiến thức ở các lĩnh vực khác nhau để đặt tí tởm tiểu phẩm, bao gồm các lĩnh vực: y học (*Hội chứng “quả mít”*), tâm linh (*Phân thân, Bùa trấn an*), toán học (*Hình chóp ngược*), âm nhạc (*Đồng ca*), kĩ thuật (*Công nghệ “ma quái”*), cờ bạc (*Bắt bài*), ngôn ngữ truyện và phim kiếm hiệp (*Chiêu “phá”*)... Đây là hình thức “đánh lừa tri giác” của người đọc, gọi cho độc giả đi theo hướng khác, từ đó tạo sự bất ngờ và thú vị cho bài viết bằng hình thức chuyển nghĩa của từ trong một ngữ cảnh mới.

2.1.5. Tít được cấu tạo theo cách kết hợp từ “bất quy tắc”

Ở dạng này, Hữu Thọ kết hợp hai yếu tố từ vựng mà không tuân theo nguyên tắc kết hợp từ thông thường. Có thể gọi đây là biện pháp dùng cái bất thường để chỉ cái bình thường, là sự “bất tuân quy phạm ngôn ngữ” của người viết nhưng nó vẫn được người đọc chấp nhận vì “cái lí” của nó. Hiệu quả mang lại từ hình thức này là tạo sự hứng thú, tò mò đối với

người đọc và kèm chút mỉa mai của người viết. Theo đó, Hữu Thọ thường kết hợp giữa từ mang nghĩa dương tính và từ mang nghĩa âm tính, chẳng hạn như tít *Quyền lực lưu manh, Cái lí của sự "trái khoáy", Kinh doanh lễ nghĩa, Xin ở lại diện đối nghèo!*... Sự kết hợp này bên ngoài có vẻ mâu thuẫn nhưng lại có sự tương hỗ về nghĩa bên trong. "Quyền lực" thể hiện sức mạnh chính trị của những cơ quan cấp cao được pháp luật thừa nhận, nhưng "lưu manh" là tầng lớp phản diện trong xã hội, chịu sự áp chế của "quyền lực". Tuy nhiên, "quyền lực" giờ đây đã xuống cấp, ngang hàng và "sóng đôi" với "lưu manh". Sự kết hợp của hai từ này cho thấy một vấn nạn trong xã hội: sự lên ngôi của tội phạm, đó không chỉ là một vài cá nhân đơn lẻ, một vài trường hợp cá biệt mà đã trở thành một hệ thống và có "tiếng nói", "vị trí" nhất định. "Kinh doanh" chỉ hoạt động mua bán những sản phẩm vật chất cụ thể nhằm đem lại lợi nhuận, "lễ nghĩa" là những chuẩn mực đạo đức, thuộc về tinh thần, không nhằm mục đích tạo lợi ích vật chất. Sự kết hợp này cho thấy một thực trạng phổ biến trong xã hội ngày nay: vấn đề đạo đức đang xuống cấp và bị lợi dụng, cuộc sống thực dụng đang bào mòn nhân cách con người.

Với cách đặt tít này, Hữu Thọ đã tạo được sức hút đối với người đọc bởi cách kết hợp sóng đôi hai yếu tố ngôn ngữ không đồng nhất nhằm mục đích giễu nhại một vấn đề trong xã hội.

Với việc vận dụng sáng tạo ngôn ngữ để tạo nên sự đa sắc trong cách đặt tít tiểu phẩm cho thấy Hữu Thọ luôn có ý thức với bài viết của mình, luôn thể hiện sự tôn trọng đối với độc giả vì mỗi tác phẩm của ông là sự đối thoại, tương tác chứ không chỉ là nhận thức một chiều. Ở đó, sự tinh tế và sâu sắc được thể hiện một cách khéo léo và kinh hoạt. Đó là một hiệu quả nghệ thuật rất cần thiết đối với tiểu phẩm báo chí.

2.2. Kiểu câu định nghĩa, giải thích nghĩa

Với kiểu câu này, Hữu Thọ thể hiện quan niệm cần làm rõ vấn đề trọng tâm của bài viết. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng vì nó định hướng nhận thức cho người đọc. Theo đó, tác

giả thường giải nghĩa từ, cụm từ theo hai cách: Trích dẫn và tự giải.

Trích dẫn là cách tác giả sử dụng những cách định nghĩa, giải thích nghĩa trong các văn bản ngôn ngữ chính thống như từ điển, từ điển tiếng Việt. Trong đó, tác giả sử dụng cấu trúc: *A là...* Điều đó một mặt tạo tính thuyết phục cao cho người đọc, mặt khác cho thấy tác giả là một người cẩn trọng với bài viết của mình. Đó là một sự dụng công tìm tòi sao cho bài viết mang lại hiệu quả tối ưu nhất, được đọc giả tiếp nhận một cách khách quan nhất. Chẳng hạn, trong tiểu phẩm *Cảm hóa*, tác giả viết: *"Theo Từ điển tiếng Việt thì cảm hóa là "làm cho cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tốt"* [6, tr.144]. Tuy nhiên, đôi khi tác giả không chỉ trích dẫn khản mà còn giải nghĩa thêm để vấn đề được rõ nghĩa hơn. Trong tiểu phẩm *Đẹp* có đoạn: *"... cho nên Từ điển định nghĩa từ đẹp là: "Có hình thức và phẩm chất đem lại sự hứng thú đặc biệt, làm cho người ta thích nhìn ngắm và kính phục"* [6, tr.110]. Theo đó, để đi đến kết luận vấn đề như trên thì tác giả kiến giải: *"Cái từ "đẹp" lúc đầu chỉ hiểu như những biểu hiện về hình thức ưa nhìn, cả về hình dáng con người lẫn cách ăn mặc,... Nhưng trong cuộc sống và trong sự đánh giá của nhân dân lại không đơn giản như vậy, cho nên bên cạnh "đẹp người" lại còn có "đẹp nét"*" [6, tr.110]. Mặt khác, tác giả cũng không tiếp thu một chiều lí thuyết mà còn có sự phản biện và tranh luận vấn đề. Điều này thể hiện quan niệm và thế giới quan của tác giả không chỉ chịu bó hẹp trong khuôn khổ nhất định mà cần phải có cái nhìn đa chiều, đa diện. Chính điều này góp phần mang lại sự đồng cảm và đồng thuận của độc giả đối với những bài viết của ông. Điều đó thể hiện rõ qua tiểu phẩm *Chất vấn*: *"Chất vấn được định nghĩa là hỏi và yêu cầu được giải thích rõ ràng. Đó là cốt nghĩa của từ điển... Nhưng sự đời lại không đơn giản. Người ta thường nói: hỏi thì bao giờ cũng dễ hơn trả lời... không phải mọi việc đã có thể giải thích rõ ràng vì trong thực tế cũng không phải mọi chuyện đã rõ ràng, cho nên lại cũng cần thông cảm"* [6, tr.45].

Tự giải là cách giải nghĩa từ hoặc cụm từ theo sự hiểu biết của bản thân tác giả. Theo đó, tác giả cũng dùng cả cấu trúc *A là...* nhằm thể hiện sự hiểu biết và năng lực khi trình bày vấn đề. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa đó chỉ là sự suy diễn chủ quan của tác giả mà hơn thế nữa, cách lí giải mang tính thuyết phục và thể hiện tư duy ngôn ngữ của người viết. Điểm đặc biệt của lối giải nghĩa này là tác giả giải thích vấn đề bằng một tư duy sắc bén, có sức khái quát cao làm cho đọc giả hài lòng và chấp nhận ý nghĩa vấn đề được nêu ra. Chẳng hạn như trong tiểu phẩm *Nói cho đủ ý cha ông*, để chứng minh cho quan niệm người lãnh đạo cần phải có tài đức vẹn toàn, tác giả trích dẫn câu: “*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*”, và giải thích: “*Những bậc hiền tài là những người có đức lẫn tài; đạo đức phải rất trong sáng, nêu tấm gương lớn, tư duy phải rất sáng suốt, có tầm chiến lược mới được suy tôn là người hiền*” [6, tr.34]. Ở đây, tác giả giải thích nghĩa hai lần theo kiểu tăng bậc, từ khái quát đến cụ thể để đi đến cùng sự nhận thức, thể hiện quan niệm của tác giả về phẩm chất của những con người “vĩ đại”, trong đó Hữu Thọ đề cao cái “đức” hơn cái “tài”. Hay như trong tiểu phẩm “*Kết nghĩa*”, “*đỡ đầu*” gần bó hơn ruột thịt!, tác giả viết: “*kết nghĩa*”, “*đỡ đầu*” là những mối quan hệ trong xã hội để cùng nhau làm việc nghĩa, giúp đỡ người có chí, có tài làm nên sự nghiệp” [6, tr.102]. Đó là cách hiểu “chính thống” của những từ này nhưng trong bài viết, những mối quan hệ ấy lại biểu hiện những mặt “không chính thống” của nó, đó là những mối quan hệ lợi dụng nhau để bênh vực, bao che, làm ăn bất chính nhằm mang lại lợi ích vật chất.

Bên cạnh đó, tác giả không hoàn toàn khẳng định nghĩa của từ hoặc cụm từ theo cấu trúc *A là...*, thay vào đó, tác giả sử dụng cấu trúc câu bị động và bổ sung thêm thành tố nhằm định hướng cách hiểu của đọc giả theo cách hiểu của mình: từ chỉ mức độ thông dụng (“*thường được hiểu là...*”, “*được hiểu là...*”, “*thường định nghĩa...là...*” ... Ví dụ:

“*Chuyện vặt thường được hiểu là chuyện nhỏ bé, không to tát gì, nhưng lại xảy ra hàng ngày*” (*Vui, buồn chuyện vặt*) [6, tr.7].

“*Người ta thường định nghĩa maphia là những băng tội phạm có tổ chức móc nối và các cán bộ cơ quan nhà nước, kể cả những cơ quan bảo vệ luật pháp để bao che, tổ chức mua chuộc, đe dọa, thậm chí tiêu diệt những người phát hiện, đấu tranh với chúng*” (*Thế là maphia*) [6, tr.40].

“*“Kíp” được hiểu là một nhóm người được tổ chức ra cùng nhau làm một nhiệm vụ*” (*Kíp và cánh*), [6, tr.146].

Đối với tiểu phẩm báo chí, yếu tố định hướng tiếp nhận để đọc giả có hành vi, ứng xử, thái độ đúng đắn và tốt hơn trong cuộc sống là rất quan trọng. Nó quyết định sự thành bại của bài viết cũng như chỗ đứng của tác giả. Do đó, việc định nghĩa, lí giải vấn đề cần thật sự khách quan và cần có cái nhìn toàn diện từ nhiều góc độ, đồng thời đòi hỏi người viết phải có một bản lĩnh vững vàng mới có thể thuyết phục được đọc giả và mang lại hiệu quả truyền tải thông tin. Là một “*nhà báo có nghề*”, Hữu Thọ đã chứng tỏ độ “chín muồi” cũng như phát huy nhận thức, bản lĩnh chính trị và xã hội vững vàng của mình với tư cách là một tay lão luyện trong “trường báo”. Vì vậy, tiểu phẩm của ông luôn nhận được sự tin tưởng cũng như đồng thuận của độc giả.

2.3. Sử dụng số liệu

Trong tiểu phẩm báo chí, số liệu cũng được xử lí ở nhiều dạng thức khác nhau, có thể là số liệu cụ thể hoặc số liệu khoảng chừng trong đối nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết. Trong tuyển tập tiểu phẩm *Chạy...*, Hữu Thọ sử dụng số liệu không nhằm liệt kê cứng nhắc để truyền tải thông số mà thông qua số liệu đó nhằm hướng đến đánh giá vấn đề khái quát, thường là sự phơi bày, phê phán một thực trạng nào đó. Đó có thể là thực trạng về sự “bội thực” văn bản của cơ quan nhà nước, cụ thể là các văn bản luật: “*Các văn bản pháp luật về xã, phường, thị trấn*” do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia phát hành tháng 2-1999, tập hợp các văn bản luật tới 1998, đã dày tới 2.143 trang, khổ lớn, cỡ 16 x 24 cm. Với năm

chương và cộng cả lại là 157 luật và văn bản pháp luật. Đó là chưa kể những chỉ thị, nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành phố” (Chủ tịch xã học luật) [6, tr.17]. Điều đó gây khó cho các cán bộ xã để học và nhớ để thực hiện và giải quyết công việc. Gần đây trên báo Tuổi trẻ online có đăng tin: “Toàn văn TPP cao 1m, nặng hơn 45 kg”, gồm 5.544 trang [9]. Có đọc giả nhận xét rằng thời đại này còn “đo” vẫn bản bằng kilogam và mét nữa sao? Sao không “đo” bằng GB (Gyabyte-dung lượng) hay word count (số từ trong văn bản), nhiều như thế thì làm sao một doanh nghiệp có thể đọc hết, hiểu hết và vận dụng được hết để hoạt động có hiệu quả? Như vậy, có thể thấy điểm giống nhau giữa hai bài viết trên là đều nhấn mạnh đến sự quá tải văn bản. Đó là điều bất cập trong thực tế mà cho đến nay vẫn còn là vấn đề nan giải.

Mặt khác, Hữu Thọ chú ý cả việc sử dụng con số nhỏ đến con số lớn và đều có sự so sánh tinh tế. Trong các tiêu phẩm *Bản nha mà cũng đông*, *Con số nhỏ, việc nhỏ*, tác giả cũng dùng số liệu so sánh: “27 vị có chức danh ở phường được giới thiệu...mất tới 30 phút” (*Bản nha mà cũng đông*) [6, tr.39]; “...con số 3,792 tỉ đồng, 2 tỉ và 4,2 tỉ đồng nói lên điều gì? Nó nói lên: chỉ riêng cái cầu chui Văn Thánh đã làm thất thoát của nhân dân tới 6,2 tỉ đồng, trong khi đó “Tháng vì người nghèo”, cán bộ các cơ quan ở trung ương chặt bóp giúp đồng bào được bảy tỉ đồng(!)” (*Con số nhỏ, việc nhỏ*) [6, tr.155]. Số liệu lớn nhỏ, nhiều ít khác nhau nhưng sử dụng phù hợp đều mang lại hiệu quả thiết thực. Nếu như ở *Bản nha mà cũng đông* chỉ với số liệu thấp nhưng lại đáng quan tâm bởi đó là sự lãng phí thời gian vào sự vô bổ và sự phô trương danh hiệu quá đà trong các buổi lễ thì số liệu ở *Con số nhỏ, việc nhỏ* là một con số “khổng lồ” nhưng chỉ mới tính một trường hợp rất nhỏ trong số hàng trăm, hàng nghìn công trình tương tự khác. Nếu “nhân rộng quy mô” cầu Văn Thánh 2 thì hậu quả thất thoát ngân sách còn to lớn đến dường nào: “...thất thoát trong xây dựng cơ bản tới 30 - 40%”... “kiểm tra công trình cầu chui Văn Thánh 2, đã thấy các đơn vị thi

công “bỏ túi” tới hơn 30% giá trị công trình, đó là chưa kể những tiêu cực từ các khâu khác” (*Giám sát của nhân dân*) [6, tr.118]. Không những thế, trong khi số tiền khổng lồ đó chạy vào túi của một số cá nhân thì nó có thể nuôi cả một lớp người nghèo đói trên khắp đất nước.

Bên cạnh số liệu cụ thể, Hữu Thọ còn sử dụng số liệu tương đối: “...nghe phong thanh có lẽ khởi công mời trong nam, ngoài bắc, chi hết vài trăm triệu đồng chưa kể chi phí đi về của các vị khách. Số tiền đó có thể góp phần xóa đói, giảm nghèo cho vài xã vùng cao” (*Sợ*) [6, tr.113]. Với cách nói tránh có vẻ “dân dã” như thế cũng đủ để cho thấy một thực tế đáng buồn cho xã hội, cho nhân dân, cho đất nước: tình trạng lãng phí của công vào những chuyện không thật sự cần thiết.

Đặc biệt hơn, Hữu Thọ còn biết cách sử dụng số liệu dạng phi logic: “1 + 1 + 1 không bằng ba mà lại bằng 0” (*Tôm, cua, cá*) [6, tr.129]. Điều này tạo sức hút đặc biệt đối với người đọc bởi đó không phải là một “phép tính toán học” thông thường mà là “phép tính hiệu quả”. Trong một tập thể mà mỗi cá nhân có chính kiến riêng, không ai nghe ai, chịu ai và đồng thuận ai thì dẫu có trăm người thì kết quả vẫn bằng không. Đây là cách dùng số liệu mới, lạ và được nhiều tác giả lựa chọn trong báo chí ngày nay.

2.4. Dẫn ngữ

Một trong những yếu tố quan trọng góp phần tạo thêm sức hấp dẫn cho tiêu phẩm báo chí là việc vận dụng ngữ liệu một cách hợp lí và sáng tạo. Ngữ liệu ở đây được hiểu bao gồm thành ngữ, tục ngữ, những câu nói nổi tiếng thông dụng (biết hoặc chưa rõ nguồn gốc), từ Hán Việt, phát biểu của người lãnh đạo nổi tiếng, tác phẩm văn học,... Mục đích dẫn ngữ nhằm làm tăng tính hàm súc, tính hấp dẫn và tính thuyết phục.

Qua khảo sát, yếu tố ngữ liệu được Hữu Thọ vận dụng nhiều nhất trong tiêu phẩm là thành ngữ. Thành ngữ là những cụm từ cố định thể hiện súc tích và khái quát những vấn đề riêng lẻ, mang giá trị thẩm mỹ cao. Hữu Thọ sử dụng ngữ liệu này theo hai phương thức:

giữ nguyên thành ngữ và cải biến thành ngữ. Một số thành ngữ gốc được tác giả sử dụng nguyên bản: “*nói một đằng làm một nẻo*”, “*vơ đũa cả nắm*”; “*con kiến kiện củ khoai*” (Ôi, cái từ “*thông cảm*”); “*nói Sơn Tây chết cây Hà Nội*” (Bầu), “*há miệng mắc quai*” (Chiêu “*phá*”), “*vô danh tiểu tốt*” (Hám tiền, ham chơi), “*phú quý sinh lễ nghĩa*” (Kinh doanh lễ nghĩa); “*ông nói gà, bà nói vịt*”, “*trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*” (Tôm, cua, cá); “*dậu đổ bìm leo*” (Dậu đổ bìm leo). Việc sử dụng nguyên bản thành ngữ góp phần làm tăng tính hàm súc và thuyết phục đối với người đọc. Trong tiểu phẩm *Tôm, cua, cá* tác giả đã sử dụng hai thành ngữ đều cùng chỉ một vấn đề: “*ông nói gà, bà nói vịt*”, “*trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*”: sự không đồng thuận trong nội bộ một tổ chức dẫn đến sự trì trệ hay “*giậm chân tại chỗ*” trong công việc.

Bên cạnh đó, Hữu Thọ còn sử dụng một số thành ngữ cải biến: “*chọn mặt gửi tiền*” (biến thể của “*chọn mặt gửi vàng*”) (*Chám mút và xơ múi*), “*ông đưa của kia, bà chìa của nọ*”, (biến thể của “*ông mát của kia, bà chìa của nọ*”) (*Đẹp*). Mỗi trường hợp đều mang ý nghĩa nhất định. Chẳng hạn trong tiểu phẩm *Chám mút và xơ múi*, tác giả cải biến “*vàng*” thành “*tiền*” vì ngữ cảnh đang nói đến là chọn lựa một anh “*quản trị*” tiền và vật tư của cơ quan. Tuy nhiên, việc chọn lựa này cũng “*đau đầu*” vì phải chọn người vừa công tâm vừa không tham lam, bòn rút của công thì mới dám giao “*kho của*” cho người ấy được. Đó là sự cẩn trọng trong tuyển chọn nhân sự. Hay trong tiểu phẩm *Đẹp*, “*mát*” được đổi thành “*đưa*”. Hai từ này đều thể hiện một trạng huống là của cải không còn thuộc về chủ thể. Tuy nhiên, nghĩa tình thái của hai từ lại đối lập nhau. Nếu như “*mát*” thể hiện tình huống của cải bị đánh rơi hay đánh cắp, chủ thể có thái độ tiếc nuối và trong trạng thái bị động thì “*đưa*” thể hiện tình huống chủ thể chủ động và tự nguyện dâng của cải cho đối tượng khác với mục đích dứt lốt, hối lộ. Đồng thời, đặt trong ngữ cảnh nguyên bản thì câu thành ngữ thể hiện việc “*có qua có lại mới toại lòng nhau*”, còn câu thành ngữ cải biến chỉ nạn hối lộ, dứt lốt của một bộ

phận người trong xã hội, điều đó như trở thành một “*phong trào*” và mang tính phổ biến.

Về tục ngữ, Hữu Thọ cũng có vận dụng nhưng với tần suất ít hơn thành ngữ. Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn thể hiện kinh nghiệm của cha ông đã đúc kết qua nhiều thế hệ. Do đó, sử dụng tục ngữ thường tạo tính triết lí và sự thuyết phục cao. Trong *Chạy...* có một số tục ngữ như: “*bản cùng sinh đạo tặc*” (*Hám tiền, ham chơi*); “*cho vàng không bằng chỉ đang làm ăn*”, “*một người lo bằng một kho người làm*” (*Phương châm và tục ngữ*); “*lá rách ít đùm lá rách nhiều*” (cải biên từ “*lá lành đùm lá rách*”) (*Tiền rất nặng tình*). Như vậy, Hữu Thọ sử dụng tục ngữ ở hai dạng: nguyên bản và cải biến. Đối với dạng nguyên bản, thường nhằm đề khẳng định tính đúng đắn, nhắc nhở, đưa ra hướng giải quyết hay giải thích nguyên nhân dẫn đến sự việc. Chẳng hạn như trong tiểu phẩm *Phương châm và tục ngữ*, hai câu tục ngữ được nhắc lại nguyên vẹn để khẳng định một điều, bài học đúc kết của cha ông từ ngàn xưa cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị và cần được vận dụng khéo léo để giúp người dân thoát khỏi tình trạng nghèo đói, đồng thời đó là phương pháp có hiệu quả lâu dài chứ không phải chỉ là sự giúp đỡ tạm thời.

Ngoài ra, Hữu Thọ còn sử dụng một số phát ngôn của các vị lãnh đạo “*có tầm*” như nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, cố Tổng Bí thư Lê Duẩn để làm tăng sức mạnh cho lập luận của mình. Ví dụ, để nhấn mạnh cho luận điểm cần phải luận công và tội cho phân minh, bất phân địa vị, giai cấp thì Hữu Thọ đã dẫn lời phát biểu của nguyên Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: “*Có công được khen thưởng, có tội bị xử phạt, bất kể người đó là ai. Không một cá nhân, một tổ chức nào được lợi dụng quyền thế để châm chước, bao che người mắc tội, phạm tội*” (*Công và tội*) [6, tr.117]. Điều đó cho thấy vấn đề tác giả đề cập không phải là ý kiến chủ quan của cá nhân tác giả mà đó được xem như “*chỉ thị*” từ cấp trên. Hay như phát biểu của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn: “*Khả năng và hiệu quả lãnh đạo phụ thuộc trực tiếp vào chỗ người cầm đầu tổ chức có xây dựng được*

hay không một kíp người cộng sự có năng lực, đoàn kết tập hợp chung quanh mình” (*Kíp và cánh*) [6, tr.146]. Phát biểu này cùng cố thêm cho lập luận: trọng trách của người lãnh đạo là phải xây dựng cho được một tập thể trong sạch, vững mạnh, một “kíp” cộng sự làm việc hiệu quả. Như vậy, việc sử dụng những phát biểu của những nhà lãnh đạo cấp cao sẽ góp phần làm tăng hiệu quả truyền tải thông tin, phù hợp với phong cách báo chí chính luận. Đồng thời, thể hiện việc thấm nhuần, quán triệt tư tưởng cũng như sự hưởng ứng của tác giả đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh những “người hữu danh” thì Hữu Thọ cũng trích dẫn một số phát ngôn của những “người vô danh”. Điều này góp phần tạo sự khách quan và làm cho lập luận thêm chặt chẽ. Chẳng hạn, để cho thấy sự khác nhau giữa những người quân tử và kẻ tiểu nhân trong việc chạy chức, chạy quyền, Hữu Thọ sử dụng phát ngôn của một nhà “túc nho” nào đó: “Người quân tử không phải không có trí, không có mưu. Nhưng có những khi họ lại thua kẻ tiểu nhân, vì người quân tử không thêm làm những việc mà kẻ tiểu nhân dám làm” (*Chạy*) [6, tr.85]. Hay để khẳng định vai trò quan trọng của việc biết “lắng nghe” ý kiến của người khác thì tác giả lại dẫn: “Có nhà hiền triết khác lại nói: “Sức mạnh của lời nói thường tỷ lệ nghịch với số lần nói”” (*Lắng nghe*) [6, tr.158]. Như vậy, dù không có nguồn gốc rõ ràng nhưng những phát ngôn ấy đã phần nào góp phần làm rõ thêm lập luận cũng như thể hiện sự hiểu biết thấu đáo của người viết.

Trên đây là một số biểu hiện việc tác giả vận dụng ngữ liệu nhằm làm tăng tính hấp dẫn, thuyết phục và sinh động cho tiểu phẩm của mình. Đó là sự vận dụng linh hoạt và sáng tạo ngữ liệu góp phần tạo sự thuyết phục và khách quan cho bài viết của Hữu Thọ.

2.5. Một số biện pháp nghệ thuật tiêu biểu khác

Trong *Chạy*..., Hữu Thọ còn sử dụng đa dạng các biện pháp nghệ thuật khác: thay đổi trật tự từ, so sánh, chơi chữ, phép đối, lặp từ vựng, nói ngược, ẩn dụ, hoán dụ,... Ở đây chỉ

trình bày một số thủ pháp tiêu biểu được sử dụng với tần suất cao: thay đổi trật tự từ, so sánh và chơi chữ.

Thay đổi trật tự từ là biện pháp thay đổi vị trí của các từ trong câu nhằm đạt một dụng ý nào đó. Tác dụng của thủ pháp này trong tiểu phẩm của Hữu Thọ là tạo sự bất ngờ, thú vị. Chẳng hạn trong tiểu phẩm *Nói lái*, tác giả đã đảo từ “*dân biết*” thành “*biết dân*”. Bài viết phê phán việc xa rời quần chúng của một bộ phận lãnh đạo. “*Dân biết*” được trích trong phương châm: “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”. Ở đây tác giả nhấn mạnh đến vai trò của việc “*biết dân*”, tức tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và thực tế cuộc sống của nhân dân đang diễn ra là ưu tiên hàng đầu, sau đó mới đề ra những chủ trương, chính sách để dân được “*biết*”, rồi “*bàn*”, “*làm*” và “*kiểm tra*”. Chính vì thế, việc thay đổi trật tự từ trong tiểu phẩm này có giá trị rất đặc biệt bởi nó nêu lên được vấn đề cốt lõi của bài viết. Trong tiểu phẩm *Chữ ngờ*, tác giả đảo từ “*nào ngờ*” thành “*ngờ nào*”: “*Khi phải nói chữ “nào ngờ” là nói lên nỗi đau của cả một tập thể và một gia đình! Nhưng cái chữ “ngờ” nào cũng có cái để mà ngờ, miễn là mọi người quan tâm tới nhau, để cùng giúp nhau*” (*Chữ ngờ*) [6, tr.51]. Nếu như chữ “*nào*” trong “*nào ngờ*” biểu thị trạng thái cảm xúc ngạc nhiên, đột ngột, không biết trước thì chữ “*nào*” trong “*ngờ nào*” là từ chỉ loại, tất cả các trường hợp được đề cập đến trong tiểu phẩm đều có thể thấy trước được nếu như mọi người biết quan tâm lẫn nhau. Rõ ràng, chỉ cần thay đổi vị trí thì đã làm thay đổi hoàn toàn nghĩa của từ, cụm từ.

So sánh là đối chiếu hai hay nhiều sự vật dựa trên sự tương đồng nào đó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm. Trong *Chạy*..., kiểu so sánh được Hữu Thọ sử dụng phổ biến là kiểu so sánh giữa hai sự việc có mối liên hệ liên tưởng tương đồng với nhau về tính chất, trạng thái nhằm để làm rõ cái so sánh. Tuy nhiên, giữa hai sự việc được so sánh “*không cùng một phạm trù và các đặc điểm, thuộc tính, được dùng làm căn cứ so sánh... chỉ có tính chất tương đối, lâm thời*”, từ đó tạo “*tình bất ngờ*

và *tính hình tượng*” [1, tr.99]. Trong tiểu phẩm *Con số “phần trăm”*, tác giả so sánh giữa tình yêu và sự tăng trưởng kinh tế, trong đó nhấn mạnh đến sự cần trọng xem xét đối với những con số phần trăm của sự tăng trưởng đó. Theo đó, tác giả cho rằng, nền kinh tế dù tăng 10% hay 50% cũng đều cần phải xem xét kỹ “chiều sâu” của “phần trăm”, giống như tỷ lệ phần trăm trong chuyện tình yêu. Tác giả so sánh: “*Cũng không phải 10%, mà có lúc đã lên tới 50%. Thuở còn bé, tìm người yêu, có một lần bạn hỏi: “Được bao nhiêu phần trăm?”, tôi trả lời “50%”, nghĩa là đã đi được nửa đường nhưng cũng có nghĩa là chưa được gì. 50% cũng có nghĩa là mình ưng rồi nhưng có ấy thì chưa đồng ý, thế thì đúng là một nửa nhưng chưa ăn thua gì vì tình yêu là phải đến với nhau từ hai phía!*” [6, tr.79]. Như vậy, kinh tế và tình yêu không thuộc cùng một phạm trù nhưng các tính chất được so sánh có điểm tương đồng: có tỉ lệ cao nhưng chưa chắc đã là sự thắng lợi mà còn cần phải xem xét về “chất” nhằm đạt được một sự thành công đích thực. Đó là một cách so sánh dễ hiểu nhưng tạo được bất ngờ và thú vị cho người đọc.

Trong *Mất*, Hữu Thọ so sánh giữa việc trừng trị “kẻ xấu” trong nội bộ cơ quan chính quyền và việc điều trị những cái “ung nhọt”: “*cắt đi một cái ung nhọt cho cơ thể khỏe mạnh thì có ai tiếc vì mất đi cái ung nhọt đó. Mất đi những người xấu, người có tội thì nội bộ thêm trong sạch, người tốt, người lành yên tâm, phấn khởi làm việc, và nhất là lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước tăng lên*” [6, tr.114]... “*cắt đi một nửa ung nhọt thì ung nhọt vẫn còn. Chưa nặn được “ngòi” thì cái nhọt dù mất một lớp mũ vẫn còn khả năng tái phát. Cho nên chịu đau mà cắt, mà nặn cho hết. Có chăng những người “tiếc rẻ”, “chấp chừa” như thế lại mất thêm uy tín với cán bộ và nhân dân!*” [6, tr.114- 115]. Giữa “cán bộ xấu” và “cái ung nhọt” cũng không thuộc cùng một phạm trù nhưng lại có sự tương đồng về nghĩa: những cái xấu xa cần được loại bỏ. Cách so sánh giữa cái trừu tượng và cái cụ thể làm tăng sức sinh động và làm cho người đọc dễ tiếp thu vấn đề.

Chơi chữ là biện pháp vận dụng sự đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái hài hước, dí dỏm làm tăng tính hấp dẫn và thú vị. Trong *Chạy*,... Hữu Thọ sử dụng phương thức chơi chữ tiêu biểu là sử dụng từ đồng âm khác nghĩa. Điều này tạo sự bất ngờ, thú vị có phần hóm hỉnh, gây tiếng cười. Trong tiểu phẩm *Sợ báo hơn sợ hổ*, “*báo*” ở đây không phải là từ cùng trường nghĩa với “*hổ*” để chỉ một loài động vật mà có nghĩa là “*báo chí*” - một nghề trong xã hội. Tiểu phẩm này đề cập đến tầm quan trọng của báo chí đối với sự nghiệp kinh doanh của các doanh nghiệp. Họ “*lo sợ*” những “*rủi ro*” có thể xảy ra do cánh nhà báo mang lại làm ảnh hưởng đến chữ “*tín*” và “*ba thứ hàng*” của họ: “*khách hàng nghi ngờ, không mua hàng; bạn hàng nghi ngại, không giao dịch, hoãn hợp đồng; ngân hàng nghi ngờ, không cho vay... thế thì chết ngay tức thì*” [6, tr.48]. Cũng như từ “*bầu*” trong các cụm từ “*bầu dài*”, “*bầu tròn*” trong tiểu phẩm *Bầu*, ở đây, tác giả kết hợp từ “*bầu*” với từ chỉ tính chất (“*tròn*”, “*dài*”) nhằm đánh lừa nhận thức của người đọc. Tuy nhiên, “*bầu*” không có nghĩa chỉ một loại thực vật mà có nghĩa chỉ việc “*bầu cử*”. Theo đó, “*bầu dài*” chỉ danh sách bầu cử có nhiều tên hơn số lượng cần bầu để người dân có thể chọn lựa người trúng cử, “*bầu tròn*” là danh sách bầu cử có số lượng vừa đủ với số lượng cần bầu, người dân không có quyền lựa chọn. Hay trong tiểu phẩm *Giám quan*, tác giả lại chơi chữ từ “*giám sát*”: “*giám sát mà không sát với thực tế đang diễn ra*”, “*giám sát mà chưa “dám” kết luận*” [6, tr.75]. Nếu như từ “*sát*” trong “*giám sát*” thể hiện tính chất của một công việc (theo dõi chặt chẽ) thì từ “*sát*” trong “*không sát*” lại chỉ mức độ của một hành động, từ “*giám*” trong “*giám sát*” thể hiện một hành động (theo dõi) thì từ “*dám*” lại chỉ tính chất, trạng thái tâm lí. Ở đây, tác giả sử dụng từ đồng âm và gần âm về mặt ngữ âm chứ không phải đồng âm về mặt từ vựng. Tiểu phẩm đề cập đến sự yếu kém

của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, năng lực yếu kém, xa rời thực tiễn nên “giám sát” mà không “sát”, vì “nể nang”, “tám lòng ngay thẳng chưa đủ” nên ““giám sát” mà chưa “dám” kết luận”. Như vậy, có thể thấy rằng Hữu Thọ khá linh hoạt, nhạy bén và có sự sáng tạo trong việc sử dụng thủ pháp chơi chữ để tạo nên sự bất ngờ và tăng tính hấp dẫn cho tiểu phẩm.

3. Kết luận

Với vốn sống phong phú và bản lĩnh ngôn ngữ của người dạn dày kinh nghiệm, những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của xã hội được Hữu Thọ thể hiện một cách linh hoạt, nhẹ nhàng nhưng không kém phần sâu sắc, vừa mang lại tiếng cười cho độc giả vừa là tiếng nói phê phán, lên án, mỉa mai sâu cay những vấn nạn của xã hội. Mặc dù tác giả đã từng băn khoăn: “Tôi không biết viết thế nào cho thành công vì mỗi bài báo là một sự thử thách. Nhưng tôi biết chắc một bài báo sẽ thất bại nếu đưa ra câu trả lời làm vừa lòng mọi người. Không và không thể có bài báo làm vừa lòng tất cả” (Lời đề từ trong *Người hay cãi*) nhưng có lẽ sự thành công của ông đã được độc giả công nhận từ lâu bởi ông đã nhận được “sự tin cậy của xã hội”. Mặc dù cây “bút sắc” ngày ấy đã ra đi khi tuổi đời đã khá viên mãn nhưng vẫn luôn để lại nỗi đau mất mát và niềm thương tiếc khôn nguôi đối với các thế hệ nhà báo lẫn công chúng. Tin rằng sẽ còn những người “chấp bút” của ông để tiếp tục dẫn thân vào con đường “mạo hiểm” nhưng vinh quang này.

Từ một số phương diện ngôn ngữ như trên, chúng ta thấy rằng ngôn ngữ đóng vai trò đặc biệt quan trọng với loại hình báo chí, đồng thời người viết báo không chỉ đơn giản chỉ làm việc viết lại các con chữ sao cho có nghĩa mà còn phải biết vận dụng sáng tạo để mang lại hiệu quả cao nhất. Thiết nghĩ nghiên cứu ngôn ngữ không chỉ bó hẹp trong phạm vi một lĩnh vực nào mà đó là sự nghiên cứu, tìm tòi và phát huy của mỗi cá nhân trong tất cả các lĩnh

vực nhằm góp phần phát huy sự trong sáng và khả năng phong phú của tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Vũ Quang Hào (2014), *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
3. Đinh Trọng Lạc (1994), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Triều Nguyên (2004), *Nghệ thuật chơi chữ trong văn chương người Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
5. Nguyễn Văn Nờ (2012), *Giáo trình Phong cách học tiếng Việt*, Nxb Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
6. Hữu Thọ (2004), *Chạy... (tiểu phẩm báo chí)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Hữu Thọ (2007), *Người hay cãi*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Hữu Thọ (2012), *Mắt sáng, lòng trong, bút sắc*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. N. Bình (2016), *Toàn văn TPP cao 1m, nặng hơn 45kg*, Truy cập: <http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20160409/toan-van-tpp-cao-1m-nang-hon-45kg/1081414.html>, ngày 2 09/4/2016.

Abstract: Huu Tho is one of the most excellent writers of Vietnam modern journalism. His career is well known for the fight against social issues through his works. Huu Tho's journalistic style, which is simple but witty, disputatious but patient, sleazy but profound, has been clearly clarified in his over twenty one writings. Among them, *Chay* press skit is a great example of this style. This collection has demonstrated how creatively language is used. The current study aims to analyze different aspects of his language use in this successful press skit. Furthermore, the study wants to achieve a deeper understanding of this writer's journalistic style.

Key words: Huu Tho; journalism; skit; Chay; language.